

CHUYỂN GIÁ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP FDI VÀ GIẢI PHÁP HẠN CHẾ

TS NHỮ TRỌNG BÁCH

Học viện Tài chính

Chuyển giá không phải là vấn đề mới mẻ ở Việt Nam. Mặc dù vậy, chống chuyển giá vẫn luôn là vấn đề làm đau đầu các nhà quản lý. Hoạt động chuyển giá có ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế, cạnh tranh nội địa... Trong khuôn khổ bài viết, tác giả tập trung vào đánh giá tình hình chuyển giá trong các doanh nghiệp (DN) có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động chuyển giá của các DN FDI tại Việt Nam và đề xuất các biện pháp nhằm hạn chế hoạt động này.

Có quan điểm cho rằng, chuyển giá (transfer pricing) chỉ là hành vi liên quan đến các tập đoàn kinh tế đa quốc gia. Theo đó, chuyển giá được hiểu là “việc thực hiện chính sách giá đối với hàng hóa, dịch vụ và tài sản được chuyển dịch giữa các thành viên trong tập đoàn qua biên giới không theo giá thị trường nhằm tối thiểu hóa số thuế của các công ty đa quốc gia trên toàn cầu”. Tuy nhiên, trên thực tế, chuyển giá không chỉ được thực hiện bởi các công ty đa quốc gia, các DN FDI, mà nó còn được thực hiện bởi các công ty có nhiều công ty con chỉ hoạt động kinh doanh trong nước hoặc thậm chí được thực hiện bởi các công ty là các chủ thể kinh tế độc lập song chủ sở hữu của chúng lại có mối quan hệ “thân nhân” với nhau. Như vậy, cần hiểu hành vi chuyển giá theo một nghĩa rộng hơn. Theo đó, chuyển giá là một hành vi do các chủ thể kinh doanh thực hiện bằng cách thay đổi giá trị trao đổi hàng hóa, dịch vụ trong quan hệ với các bên liên kết nhằm tối thiểu hóa tổng

số thuế phải nộp của các đối tác liên kết. Các đối tác liên kết ở đây có thể là: (i) Các công ty thành viên trong một công ty đa quốc gia; (ii) Các công ty hoặc đơn vị thành viên trong một tổng công ty, công ty; (iii) Các công ty độc lập mà chủ sở hữu của chúng có mối quan hệ đặc biệt, thường là mối quan hệ thân nhân.

Cơ sở cho việc chuyển giá xuất phát từ quyền tự do định đoạt trong kinh doanh, các chủ thể hoàn toàn có quyền quyết định giá cả của một giao dịch kinh tế. Do vậy, họ hoàn toàn có quyền mua/bán hàng hóa, dịch vụ với giá họ mong muốn. Quyền này được pháp luật về kinh doanh của mọi quốc gia thừa nhận, nó chỉ bị hạn chế bởi các quy định pháp luật có liên quan, chẳng hạn như pháp luật về cạnh tranh, về thương mại hoặc chính bởi những điều luật về định giá chuyển giao. Động cơ của hành vi chuyển giá, không gì khác, chính là lợi nhuận của hoạt động kinh doanh xét trên phương diện tổng thể. Việc xác định giá giao dịch giữa các thành viên của các bên liên kết không thay đổi tổng lợi ích chung

nhưng có thể làm thay đổi tổng nghĩa vụ thuế của họ. Thông qua việc định giá, nghĩa vụ thuế được chuyển từ nơi bị điều tiết cao sang nơi bị điều tiết thấp hơn và ngược lại. Chẳng hạn như, công ty B và C đều là công ty con của tập đoàn A. Công ty B áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập DN 25%. Công ty C kinh doanh ở địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn nên được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập DN 10%. Khi B cung cấp vật tư cho C với giá thấp hơn giá thị trường giao dịch sòng phẳng thì làm cho lợi nhuận trước thuế thu nhập DN của B giảm đi, còn lợi nhuận trước thuế thu nhập DN của C tăng lên tương ứng. Phần lợi nhuận tăng lên ở công ty C chỉ phải chịu thuế thu nhập DN với thuế suất 10%. Nếu bán đúng giá thị trường thì phần lợi nhuận này nằm ở công ty B và phải chịu thuế suất 25%. Như vậy, nếu xét riêng biệt thì công ty B thiệt, còn công ty C được lợi. Nhưng xét tổng thể thì tổng thuế phải nộp của cả hai công ty đã giảm đi.

Ví dụ trên cho thấy, chuyển giá xuất hiện khi có những điều kiện nhất định. Đó là: (i) Sự chênh lệch

về thuế suất thuế thu nhập DN giữa các quốc gia khác nhau; (ii) Có quy định nhiều mức thuế suất thuế thu nhập DN với những đối tượng khác nhau trong một quốc gia, chẳng hạn như quy định các mức thuế suất ưu đãi thấp hơn thuế suất phổ thông; (iii) Có các quy định về miễn, giảm thuế thu nhập DN có thời hạn.

Biểu hiện của hoạt động chuyển giá trong các DN FDI

Thứ nhất, DN FDI đầu tư vào Việt Nam, sản xuất ra hàng hóa, dịch vụ để tiêu thụ tại Việt Nam. Đối với luồng chuyển giá này, DN làm mọi thủ thuật để tăng chi phí đầu vào (tăng giá thiết bị, nguyên liệu, bản quyền, định mức tiêu hao, thuê chuyên gia, máy móc, nhập khẩu linh kiện giá gốc cao hơn so với giá linh kiện được mua tại Việt Nam...).

Đối với dịch vụ xuất hiện trường hợp chuyển giá đối với phí quản lý của phía nước ngoài, chi phí chuyên gia, lãi vay ngân hàng, thương hiệu bản quyền... Đối với tài sản máy móc thiết bị nhập khẩu từ các công ty trong tập đoàn, giá trị máy móc thiết bị lớn nhưng hiệu quả sử dụng thấp, có trường hợp vừa nhập khẩu thời gian sử dụng chưa được bao lâu đã không còn phù hợp với sản xuất kinh doanh phải thanh lý tài sản giá trị thu hồi thấp hoặc phải hủy hoàn toàn. Đối với nguyên vật liệu nhập khẩu thể hiện giá nhập khẩu từ người cung cấp độc lập thấp hơn giá nhập khẩu từ người cung cấp trong cùng tập đoàn hay từ phía công ty mẹ của DN. Đồng thời, có yếu tố gian lận trong việc khai báo hàng hóa xuất khẩu, khai thiếu tờ khai xuất khẩu.

Thứ hai, DN FDI đầu tư vào Việt Nam, sản xuất hàng hóa,

dịch vụ để xuất khẩu ra nước ngoài. Đối với loại này, DN sử dụng thủ đoạn ở cả đầu vào như tăng chi phí và đầu ra như hạ giá bán hoặc ký hợp đồng giá công thấp.

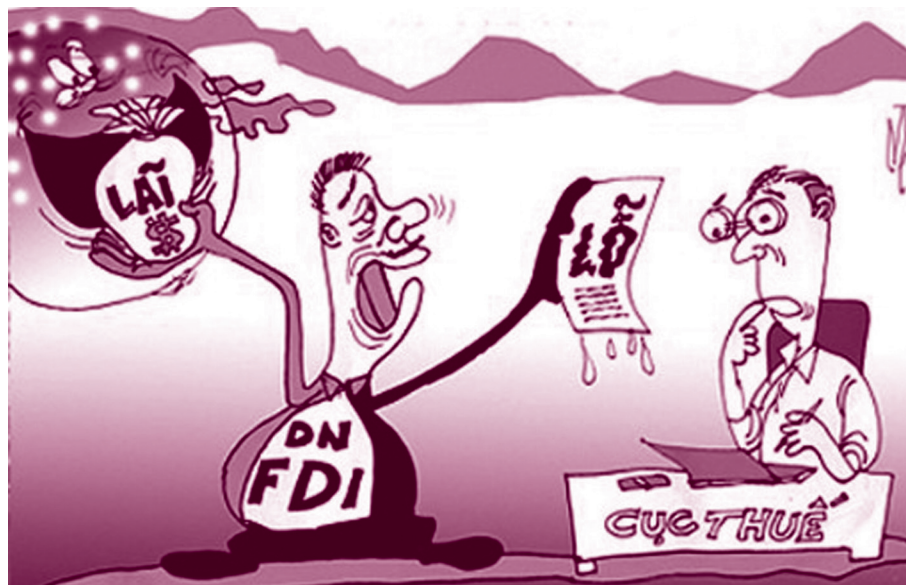
DN kê khai hạch toán không chính xác doanh thu và chi phí, thể hiện kết quả kinh doanh liên tục lỗ nhiều năm và bị mất vốn chủ sở hữu, nhưng DN vẫn tiếp tục hoạt động, mở rộng đầu tư sản xuất. Công ty mẹ phân bổ chi phí cho công ty con tại Việt Nam và công ty con tại Việt Nam hạch toán vào chi phí tại Việt Nam một số khoản mục về quảng cáo, tiếp thị, nghiên cứu, mở rộng thị trường, chi phí lãi vay... mà thực chất các khoản chi phí này phải do công ty mẹ tại nước ngoài trang trải. Mục đích của các giao dịch này là nhằm tối thiểu hóa việc phát sinh thu nhập chịu thuế tại Việt Nam. Bên cạnh đó, một số DN FDI thường lợi dụng việc khác biệt về thuế suất thuế thu nhập DN giữa các nước để xuất chuyển hàng hóa đến quốc gia và vùng lãnh thổ có thuế suất thuế thu nhập DN thấp hơn Việt Nam.

Ngoài ra, công ty mẹ thường dựa vào các chính sách ưu đãi giữa các vùng/miền trên lãnh thổ Việt Nam để tiến hành các hoạt động sáp nhập, giải thể, điều chuyển các địa điểm sản xuất, kinh doanh từ vùng này sang vùng khác để tận dụng ưu đãi miễn giảm thuế thu nhập DN.

Thứ ba, thông qua các giao dịch liên kết. Qua thanh tra các DN lỗ, đều thấy có dấu hiệu chuyển giá trong các quan hệ có giao dịch liên kết. Đối với sản xuất gia công, đặc biệt là các sản phẩm may mặc, da giày, túi xách... của các DN FDI, giá gia công đều phụ thuộc vào chủ đầu tư nước ngoài và thấp hơn chi phí thực tế, treo lại chi phí tiền lương đã trả cho công nhân số tiền hàng trăm tỷ đồng, lớn hơn doanh thu đã kê khai.

Ảnh hưởng của hoạt động chuyển giá trong các DN FDI đối với nền kinh tế Việt Nam

Một là, thất thu ngân sách nhà nước (NSNN). Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và thế giới. Ngoài những tác động tích cực,





hội nhập cũng xuất hiện những thách thức, ảnh hưởng tiêu cực đến công tác quản lý thuế như dần xếp né tránh thuế, chuyển giá..., đòi hỏi công tác quản lý thuế phải được tiếp tục hoàn thiện để phù hợp hơn với các chuẩn mực, thông lệ và cam kết quốc tế. Với chính sách mở cửa, thu hút đầu tư, các DN FDI đã trở thành một phần tích cực trong các thành phần kinh tế đóng góp cho sự tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Tuy nhiên, thực tế đã cho thấy có tình trạng lỗ giả, lãi thật do lợi dụng vấn đề chuyển giá. Thất thu NSNN từ thuế thu nhập DN và thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài. Quy mô các khoản thu NSNN này không nhỏ khi các DN FDI đã chiếm tới khoảng 20% GDP, khoảng 25% tổng vốn đầu tư toàn xã hội và chiếm trên 40% giá trị sản xuất công nghiệp, trên 50% tổng kim ngạch xuất khẩu, gần 50% tổng kim ngạch nhập khẩu, chiếm khoảng 30% tổng thu NSNN (thống kê của Tổng cục Thuế năm 2011).

Có thể thấy số DN FDI ngày càng bỏ nhiều vốn vào Việt Nam, tuy nhiên số thuế mà họ nộp lại vào NSNN không tỷ lệ thuận với

sự gia tăng này. Không ít DN kê khai lỗ nhiều năm liên tiếp, song trên thực tế họ vẫn tiếp tục mở rộng sản xuất, kinh doanh. Theo số liệu của Bộ Tài chính, trong vòng 2 năm (2010-2011), cơ quan này đã thanh tra hơn 1.400 DN FDI khai báo lỗ có dấu hiệu chuyển giá, xử lý giảm lỗ hơn 5.827 tỷ đồng. Năm 2011, số vụ phát hiện tăng 2,5 lần so với năm 2010 và cơ quan thuế đã truy thu, xử phạt 1.861 tỷ đồng (tăng 4 lần), giảm khấu trừ thuế 102 tỷ đồng. Tuy nhiên, trong thời gian tới sẽ có nhiều DN FDI hết thời hạn được hưởng ưu đãi thuế quan nên rất có thể các hiện tượng chuyển giá, giá lỗ, lách thuế sẽ gia tăng nhiều hơn. Qua khảo sát các DN FDI trên địa bàn TP Hồ Chí Minh của Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho thấy, các DN FDI nói là kinh doanh thua lỗ thường tập trung vào các ngành nghề gia công may mặc, da giày; sản xuất, kinh doanh chè xuất khẩu; công nghiệp chế biến... Đặc biệt, có đến 90% DN FDI hoạt động trong lĩnh vực may mặc trên địa bàn có kết quả kinh doanh thua lỗ, trong khi hầu hết các DN trong nước cùng ngành nghề đều có lãi

cao. Hiện tượng này thật không đúng với những gì mà Việt Nam đã mang đến cho FDI: nhân công rẻ, nhiều ưu đãi về miễn giảm thuế cho các DN FDI, điều kiện xuất khẩu thuận lợi, dân số trẻ và đông... Một số DN FDI có lãi nhưng tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu cũng không đáng kể. Tỷ lệ đóng góp cho ngân sách quốc gia của khối này (không kể dầu thô) là khá thấp, chỉ dao động quanh 9-10% tổng thu ngân sách quốc gia.

Hai là, chuyển giá góp phần gây nên hiện tượng nhập siêu. Một lý do dẫn tới nhập siêu của Việt Nam luôn cao có thể là do một phần việc chuyển giá của các DN FDI. Nhập siêu của Việt Nam có lý do lớn từ nhu cầu nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc thiết bị, vật tư... phục vụ cho sản xuất trong nước. Tuy nhiên, phải chăng nhập siêu của Việt Nam còn do việc “chuyển giá” của các DN FDI vào mặt hàng nhập khẩu phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh của các DN FDI tại Việt Nam.

Ba là, chuyển giá làm “đội giá” máy móc thiết bị và nguyên nhiên vật liệu đầu vào của DN FDI, đồng thời “phá giá” sản phẩm đầu ra khiến cho DN FDI bị thua lỗ giả. Chuyển giá đối với máy móc thiết bị tạo tài sản cố định cho DN FDI, một mặt còn tạo ra “giá trị ảo” cho tài sản cố định, tăng tỷ lệ khấu hao tài sản cố định thực, “thổi phồng” phần vốn góp của phía nước ngoài, làm méo mó bức tranh thực tế về vốn FDI (cả thu hút và giải ngân). Mặt khác, giá trị của máy móc thiết bị mới, hiện đại dễ kiểm soát hơn so với giá trị của máy móc thiết bị cũ, lạc hậu nên không loại trừ việc DN FDI ưu tiên nhập khẩu máy móc thiết bị cũ, lạc hậu nhằm thực hiện chuyển giá dễ dàng hơn. Chuyển

giá còn có thể là một trong những nguyên nhân chính làm sụt giảm hiệu quả sử dụng vốn nói chung, sử dụng vốn FDI nói riêng, khiến cho ICOR của khu vực FDI rất cao, thậm chí còn cao hơn cả khu vực kinh tế trong nước và suất đầu tư trên lao động cũng tương đối cao. Ngoài ra, hoạt động chuyển giá trong việc nhập khẩu máy móc, công nghệ... lạc hậu còn làm cho Việt Nam trở thành bãi rác công nghệ sau khi chu kỳ sản xuất kinh doanh của DN FDI kết thúc.

Bốn là, cạnh tranh không lành mạnh giữa DN FDI và DN nội địa. Mặc dù FDI góp phần rất tích cực tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa, dịch vụ có chất lượng cao. Tuy nhiên, do chuyển giá nên thị trường trong nước, cả thị trường tư liệu sản xuất và thị trường tư liệu tiêu dùng, đều phải chịu mức giá cao bất hợp lý. Cạnh tranh không lành mạnh giữa DN FDI và DN nội địa gia tăng vì ưu đãi giữa hai khu vực khác nhau. Một mặt, mức giá nhập khẩu cao do chuyển giá đã thủ tiêu lợi ích về giá từ hoạt động nhập khẩu, làm cho mặt bằng giá cao giả, thậm chí có một số hàng hóa, dịch vụ có mức giá tại Việt Nam còn cao hơn nhiều so với tại các nước trong khu vực. Mặt khác, giá nhập khẩu cao do chuyển giá còn hạn chế khả năng cạnh tranh bình đẳng của các DN nội địa với các DN FDI.

Hơn nữa, DN nội địa phải chịu thuế trực thu, trong khi DN FDI chủ yếu chịu thuế gián thu mà thực chất là người tiêu dùng cuối cùng phải chịu nên DN nội địa lại càng khó cạnh tranh hơn, nhất là hạn chế khả năng tăng cường tiềm lực tài chính trước đối thủ cạnh tranh là các DN FDI vốn có lợi thế rõ ràng về tài chính, quy mô, kinh nghiệm thương trường và thương hiệu.



Quản lý nhà nước nhằm hạn chế hoạt động chuyển giá đối với DN FDI

Hành vi chuyển giá ở Việt Nam xuất hiện cùng với sự gia tăng các DN FDI, cách đây khoảng 15 năm nó đã đặt ra cho các nhà quản lý một bài toán phải giải quyết. Động thái đầu tiên đánh dấu sự vào cuộc hóa giải vấn đề chuyển giá chính là sự ra đời của Thông tư 74/1997/TT-BTC hướng dẫn về thuế đối với nhà đầu tư nước ngoài, sau đó là Thông tư 89/1999/TT-BTC, Thông tư 13/2001/TT-BTC và Thông tư 117/2005/TT-BTC. Các văn bản này đã thể hiện tinh thần cơ bản xử lý vấn đề chuyển giá là xác định lại giá chuyển giao theo nguyên tắc giá thị trường song phẳng. Các văn bản đã chú trọng vấn đề chống chuyển giá quốc tế của các DN FDI. Với sự ra đời của Thông tư 66/2010/TT-BTC, lần đầu tiên ở Việt Nam một văn bản pháp lý về chống chuyển giá được áp dụng cho tất cả các loại hình DN, cả DN FDI và các DN khác. Thêm vào đó, những hạn chế, bất cập của Thông tư 117/2005/TT-BTC đã được khắc phục. Về cơ bản, các quy định và các phương pháp xác định giá thị trường của Thông tư 66/2010/TT-BTC đã phù hợp với thông lệ quốc tế. Theo Thông tư này, có 5 phương pháp xác định giá thị trường là: phương pháp so sánh giá giao dịch độc lập; phương pháp giá bán lại; phương pháp giá vốn cộng lãi; phương pháp so sánh lợi nhuận; phương pháp

tách lợi nhuận.

Ở một cấp độ pháp lý cao hơn, Điểm e Khoản 1 Điều 37 Luật Quản lý thuế quy định cơ quan thuế có quyền ấn định thuế khi người nộp thuế “mua, bán, trao đổi và hạch toán giá trị hàng hoá, dịch vụ không theo giá trị giao dịch thông thường trên thị trường”. Quy định này không hoàn toàn xử lý vấn đề chuyển giá, song cũng tạo ra căn cứ pháp lý nhất định để xử lý vấn đề chuyển giá. Như vậy, có thể thấy, nỗ lực đầu tiên đáng ghi nhận của các cơ quan quản lý nhà nước thời gian qua là việc đã thiết lập và dần dần hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho hoạt động chống chuyển giá, tạo những cơ sở nhất định cho hoạt động của ngành thuế trong đấu tranh chống chuyển giá của các DN, đặc biệt là các DN FDI.

Trên nền tảng pháp lý đó, trong những năm qua, ngành thuế đã có nhiều cố gắng trong việc đấu tranh chống chuyển giá, mà trọng tâm là chống chuyển giá đối với các DN FDI. Một trong những biện pháp quan trọng trong thực tiễn chống chuyển giá đối với các DN FDI là tập trung thanh tra các DN liên tục kê khai lỗ kéo dài mà vẫn đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh. Qua thanh tra bước đầu đã phát hiện những DN có dấu hiệu chuyển giá để tiến hành đấu tranh đảm bảo xác định lại giá chuyển giao theo quy định của pháp luật. Trong một số trường hợp, ngành thuế đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm xác định đúng giá trị giao dịch, chẳng hạn như phối hợp với các cơ

quan chức năng như công an, tài chính; phối hợp với cơ quan thuế các nước để nắm bắt thông tin về giao dịch kinh tế của các DN...

Ngày 21.5.2012, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 1250/QĐ-BTC phê duyệt chương trình hành động kiểm soát hoạt động chuyển giá giai đoạn 2012-2015 nhằm thực hiện Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2020 theo Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 17.5.2011 và thực hiện Thông báo số 48/TB-VPCP ngày 16.2.2012 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ đối với việc “tăng cường công tác quản lý, chống việc chuyển giá của DN FDI tại Việt Nam”. Mục tiêu của chương trình là xây dựng, thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý thuế đối với hoạt động chuyển giá; hạn chế, ngăn ngừa, tình trạng các DN có mối quan hệ liên kết lợi dụng chuyển giao giá trị hàng hoá, dịch vụ, quyền sở hữu trí tuệ, bí quyết kinh doanh... để làm giảm nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật; tăng cường tính tuân thủ pháp luật của người nộp thuế; tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, lành mạnh giữa các DN.

Một số giải pháp đề xuất nhằm hạn chế hoạt động chuyển giá đối với các DN FDI trong thời gian tới

Xử lý nghiêm vi phạm, hoàn thiện hành lang pháp lý về chống chuyển giá. DN nói chung và DN FDI nói riêng luôn có tư tưởng chuyển giá, trốn thuế là lẽ đương nhiên, vì vậy chuyển giá phải được coi là hành vi trốn thuế, và khung hình phạt chuyển giá phải tương đương với hành vi trốn thuế. Đây là hành động răn đe, phòng ngừa

Chương trình hành động kiểm soát hoạt động chuyển giá giai đoạn 2012-2015 theo Quyết định số 1250/QĐ-BTC ngày 21.5.2012 của Bộ Tài chính tập trung vào những nhiệm vụ chủ yếu sau:

Thứ nhất, nghiên cứu sửa đổi bổ sung nhằm hoàn thiện chính sách, pháp luật theo hướng đưa ra các quy định, hướng dẫn cụ thể để kiểm soát, ngăn ngừa, hạn chế hoạt động chuyển giá nhằm làm giảm nghĩa vụ thuế phải nộp tại Việt Nam của các DN có mối liên hệ liên kết.

Thứ hai, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tỷ suất lợi nhuận của các DN độc lập theo từng ngành nghề kinh doanh có rủi ro cao trong quản lý giá chuyển nhượng và danh mục giá giao dịch trên thị trường của một số hàng hoá chủ yếu trên cơ sở tham khảo giá hàng hoá cùng loại tại các nước trong khu vực và trên thế giới làm cơ sở chung cho các Cục Thuế sử dụng, phân tích rủi ro trong công tác quản lý giá chuyển nhượng; xử lý thông tin thu thập được phục vụ cho công tác quản lý thuế đối với hoạt động chuyển giá và lưu trữ hồ sơ theo quy định.

Thứ ba, thu thập, nghiên cứu các dấu hiệu chuyển giá đang được các chủ thể kinh doanh tại Việt Nam thực hiện; kết quả đạt được và những tồn tại hạn chế trong quản lý thuế đối với hoạt động chuyển giá của ngành thuế trong thời gian vừa qua.

Thứ tư, xây dựng tài liệu đào tạo về quản lý giá chuyển nhượng trên cơ sở thu thập, tìm kiếm kinh nghiệm quốc tế và những kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn quản lý; soạn thảo quy trình thanh tra, kiểm tra thuế đối với hoạt động chuyển giá.

Thứ năm, đào tạo, trang bị kiến thức chuyên môn sâu, rộng cho đội ngũ công chức làm công tác quản lý giá chuyển nhượng để có khả năng đảm đương nhiệm vụ khó khăn này trong tương lai.

Thứ sáu, tập trung đẩy mạnh công tác thanh tra đối với hoạt động chuyển giá của các DN tại cơ quan thuế các cấp, đảm bảo việc lập kế hoạch thanh tra cũng như thực hiện thanh tra thực tế đối với hoạt động chuyển giá chiếm ít nhất 20% số cuộc thanh tra trong 1 năm.

Thứ bảy, xây dựng và thực hiện các chương trình hợp tác quốc tế về tăng cường năng lực quản lý nhà nước, kiểm soát hoạt động chuyển giá của các DN liên kết. Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, xây dựng các cơ chế xác định giá trị tài sản cố định và giá nguyên, nhiên, vật liệu đầu vào; nghiên cứu các giải pháp quản lý đối với hoạt động chuyển giá đã được các nước áp dụng hiệu quả.

Thứ tám, xây dựng và thực hiện các chương trình truyền thông về giá chuyển nhượng để tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nhằm nâng cao ý thức tuân thủ của các DN, cán bộ thuế và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

Thứ chín, tăng cường phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương nhằm nhận diện, đấu tranh có hiệu quả đối với hành vi lợi dụng chuyển giá để tránh thuế của các DN Việt Nam có mối quan hệ liên kết và chống thất thu NSNN.

Nguồn: www.mof.gov.vn (hệ thống văn bản)

đối với các hoạt động chuyển giá của các DN FDI, trong trường hợp DN FDI vi phạm nhiều lần thì có thể đề nghị rút giấy phép kinh doanh tại Việt Nam.

Những nội dung cụ thể cần

hoàn thiện hành lang pháp lý về chống chuyển giá là: (i) Trước mắt cần bổ sung một điều luật về chống chuyển giá vào Luật Quản lý thuế, về lâu dài nên ban hành Luật Chống chuyển giá - đây là cơ sở pháp lý quan trọng nhất

cho hoạt động chống chuyển giá, không chỉ có ý nghĩa đối với quản lý thuế thu nhập DN mà còn liên quan đến quản lý thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên...; (ii) Có quy định pháp lý cụ thể về các khoản chi từ NSNN cho các hoạt động kiểm tra, thanh tra và điều tra chống chuyển giá; và (iii) Hoàn thiện quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng có liên quan với cơ quan thuế trong hoạt động chống chuyển giá, đặc biệt là sự phối hợp của các cơ quan ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài.

Xây dựng hệ thống chống chuyển giá chuyên nghiệp. Xây dựng hệ thống chống chuyển giá chuyên nghiệp trên cơ sở phân tích rủi ro, xây dựng cơ sở dữ liệu về các DN FDI có dấu hiệu khai lỗ “giả” kéo dài, trên cơ sở xem xét hoạt động kinh doanh thực tế của DN đó qua các số liệu doanh thu, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Chỉnh sửa Luật Quản lý thuế, trong đó cho phép thực hiện APA (Advance Pricing Arrangement - cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá). Đồng thời, tiếp tục có chính sách đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ thanh tra thuế và đẩy mạnh hợp tác quốc tế nhằm chia sẻ kinh nghiệm trong xử lý vấn đề này. Tuy nhiên, các chuyên gia cũng khuyến cáo, nếu muốn APA được áp dụng khả thi trong thực tế thì ngành thuế và Bộ Tài chính cần phải chuẩn bị đầy đủ cơ sở dữ liệu thông tin, cơ sở pháp lý liên quan.

Thu hẹp các ưu đãi thuế đối với DN FDI và DN nội địa. Trong phần phân tích cơ sở của hành vi chuyển giá, chênh lệch thuế thu nhập DN giữa các quốc gia, chênh lệch thuế suất thuế thu

nhập DN trong một quốc gia do áp dụng thuế suất ưu đãi và các ưu đãi khác như miễn, giảm thuế là tiền đề để các DN FDI thực hiện hành vi chuyển giá. Hiển nhiên, vì những mục tiêu nhất định, cần phải thực hiện ưu đãi thuế, song cần cân nhắc các cách thức khác để điều tiết các vấn đề kinh tế, chỉ sử dụng ưu đãi thuế trong những trường hợp có lợi nhất so với các hình thức ưu đãi khác, chẳng hạn như trợ cấp, trợ giá, hỗ trợ phát triển kết cấu hạ tầng... Nên hạn chế tối đa các chính sách xã hội trong ưu đãi thuế.

Nghiên cứu giao quyền điều tra cho cơ quan thuế. Trước mắt, có thể chỉ giao quyền điều tra cho cơ quan thuế cấp Tổng cục. Về lâu dài, khi lực lượng công chức thuế đã được đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng đòi hỏi của chức năng điều tra thì có thể mở rộng quyền điều tra cho cơ quan thuế cấp tỉnh. Việc giao quyền điều tra không chỉ giúp cơ quan thuế có điều kiện làm tốt hoạt động chống chuyển giá mà còn tạo điều kiện làm tốt công tác quản lý thuế nói chung.

Thành lập bộ phận “tình báo thuế” trong ngành thuế. Đây là cơ quan có chức năng chuyên trách thu thập thông tin phục vụ quản lý thuế ở cả trong nước và quốc tế. “*Tình báo thuế*” không chỉ cần thiết cho hoạt động chống chuyển giá, mà còn rất hữu ích cho công tác thanh tra, kiểm tra thuế. Tạo lập các quan hệ với các cơ quan thuế của các nước trên thế giới để có kinh nghiệm, cơ sở dữ liệu về DN cũng như giá hàng hóa, vật tư, máy móc, công nghệ... của các nước đó, trên cơ sở đó lập bảng tham chiếu giá đầu vào của các DN FDI làm cơ sở để tính toán hợp lý trong quá trình thanh tra, kiểm tra khi cần thiết.

Hoàn thiện hệ thống thông tin, dữ liệu về người nộp thuế. Có hai việc quan trọng cần làm để hoàn thiện hệ thống thông tin, dữ liệu về người nộp thuế là: (i) Mở rộng nguồn thu thập thông tin bằng các hoạt động nghiệp vụ của các bộ phận chức năng trong cơ quan thuế mà đặc biệt là của bộ phận tình báo thuế (nếu được thành lập); (ii) Đẩy nhanh tiến trình xây dựng chính phủ điện tử, đảm bảo sự kết nối và trao đổi thông tin tự động giữa cơ quan thuế và các cơ quan quản lý nhà nước khác như: công an, kiểm sát, địa chính, kế hoạch - đầu tư...

Tóm lại, để nâng cao hiệu quả hoạt động chống chuyển giá trong các DN FDI ở Việt Nam trong thời gian tới, cần quan tâm trước tiên đến việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho hoạt động chống chuyển giá và thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp trong quản lý thuế nói riêng, quản lý nhà nước nói chung đối với lĩnh vực này ■

Tài liệu tham khảo

1. Đinh Trọng Thịnh: “Quản trị tài chính công ty đa quốc gia”, Nhà xuất bản Tài chính, năm 2011.
2. Nguyễn Thị Thành Dương: “Chống chuyển giá ở Việt Nam”, Tạp chí Khoa học Pháp lý số 2 (33) 2006.
3. Đoàn Văn Trường: “Vấn đề chuyển giá của các công ty đa quốc gia”, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế số 328 - tháng 9.2005.
4. Tổng cục Thuế: Báo cáo tổng kết công tác các năm từ 2006 đến 2011.